TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A T
TỈNH H Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 21/2020/HSST
Ngày 03 tháng 6 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH H Y
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà **Lương Thị T**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông: **Trần Quang C**
Ông: **Trịnh Đình Đ**

Thư ký phiên toà: Ông **Dương Mạnh Hùng** – Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:
Bà **Đặng Thị Thu H**– Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở TAND huyện Ân Thi, tỉnh H Y mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2020/HSST ngày 16/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 27/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Vương Văn A (tên gọi khác: C) **SN1990** Giới tính: Nam
Nơi sinh: huyện Ân Thi, tỉnh H Y
Nơi cứ trú: thôn C, xã Đ L, huyện A T, tỉnh H Y
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 7/12
Bố đẻ: Vương Văn T - Sinh năm 19. Nghề nghiệp: Trồng trọt
Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T - Sinh năm 19. Nghề nghiệp: Trồng trọt
Chị gái: Vương Thị T - Sinh năm 19. Nghề nghiệp: Trồng trọt
Anh trai: Vương Thế A - Sinh năm 19. Nghề nghiệp: Trồng trọt
Vợ: Đỗ Thùy L - Sinh năm 19. Nghề nghiệp: Trồng trọt
Bị can: Có 02 con; con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017
Tiền án, tiền sự: Chưa có
Nhân thân: Ngày 11/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện A T xử phạt 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.
Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/9/2019, chuyển tạm giam ngày 26/9/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H Y. Có mặt tại phiên tòa

2. Nguyễn Minh S SN1999 Giới tính: Nam
Nơi sinh: huyện A T, tỉnh H Y.
Nơi cư trú: thôn Q, thị trấn A T, huyện A T, tỉnh H Y.
Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.
Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 10/12

Bố đẻ: Nguyễn Văn T SN 19 Nghề nghiệp: Trồng trọt

Mẹ đẻ: Vũ Thị ĐSN 19 (Đã chết)

Bị can là con duy nhất trong gia đình

Vợ, con: Chưa có

Tiền án: Chưa có

Tiền sự: Ngày 11/6/2019 bị Công an huyện A T xử phạt hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/9/2019, chuyển tạm giam ngày 26/9/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A T. Có mặt tại phiên tòa

3. Nguyễn Đức D SN 1998 Giới tính: Nam

Nơi sinh: huyện A T, tỉnh H Y

Nơi cư trú: Thôn H X, xã V N, huyện A T, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Trồng trọt Trình độ học vấn: 11/12

Bố đẻ: Nguyễn Văn T SN 19 Nghề nghiệp: Trồng trọt

Mẹ đẻ: Ngô Thị Tím SN 19. Nghề nghiệp: Trồng trọt

Em trai: Nguyễn Văn Đ SN 2003 Nghề nghiệp: Trồng trọt

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Chưa có

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa

- *Người bào chữa cho bị cáo D*: Ông **Đào Văn H** – Luật sư Văn phòng luật sư Trọng H – Đoàn luật sư tỉnh H Y (có mặt)

- *Bị hại:* Anh **Nguyễn Văn Q SN 1980** (vắng mặt)

Trú tại: H B, Th L, H L, Th H

- *Người làm chứng*: Phạm Văn H (Phạm Quang H); Nguyễn Văn H; Vũ Hữu N; Đào Huy H; Nguyễn Long V; Phạm Văn T; Nguyễn Đức C; Nguyễn Văn T; Nguyễn Văn K; Trần Khắc T; Nguyễn Khắc H; Lê Đình L; Chu Thị T; Ngô Thị T; Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Trọng T; Nguyễn Văn T.

Bà T, ông T có mặt, những người làm chứng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn trong việc tranh giành khu vực gặt lúa thuê, nên khoảng 13h00 ngày 22/9/2019, Nguyễn Đức D, Lê Cán Sự, Phạm Văn H ở V N, A T và Nguyễn Minh S ngồi uống nước tại quán nước gia đình bà Hg Thị Hoa SN1970 ở Tân Trào, Thanh Miện, Hải Dương trong lúc ngồi uống nước D có nói nhờ S, H và Sự dọa đuổi không cho anh Nguyễn Văn Q SN 1980 ở thôn H Bình, xã Thịnh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa là chủ máy gặt lúa L H đưa máy gặt về để gặt lúa thuê tại cA đồng thôn H X, xã V N, huyện A T thì S, H, Sự đồng ý. Đến khoảng 15h00 cùng ngày, S sử dụng điện thoại di động nhãn H Iphone 8 Plus số thuê bao 0922.138.666 của mình gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H ở cùng thôn và bảo H mang 04 đoạn tuýp sắt dài khoảng 2m, đường kính 2,5cm, một đầu gắn dao bầu

(thường gọi là dao phóng lợn) đi xuống thôn H X, xã V N, huyện A T, H hỏi *"làm gì"* thì S nói *"mang xuống có việc"*. Sau đó S tiếp Tc gọi điện thoại cho Nguyễn Long V ở cùng thôn thì Vương Văn A (tên gọi khác: C) và Đào T Thắng ở cùng thôn với S nghe máy, S bảo A và Thắng đi xuống thôn H X, xã V N, huyện A T có việc; rồi S lại tiếp Tc gọi điện thoại cho Đào Huy H ở Cẩm Ninh, A T và Vũ Hữu N ở Hg Hoa Thám, A T bảo đi xuống thôn H X, xã V N, huyện A T có việc và bảo N khi đi qua đón H cùng đi, N nhất trí thuê xe taxi qua đón H mang theo 04 đoạn tuýp sắt đầu gắn dào bầu đi xuống cA đồng thôn H X. Còn S sau khi gọi điện đã điều khiển xe mô tô nhãn H Honda SH 150i màu trắng đen, biển số 29F1 - 866.66 của S chở H, Sự; D điều khiển xe mô tô nhãn H Honda Wave mượn của anh Nguyễn Văn Hợp ở cùng thôn đi ra cA đồng thôn H X để tìm anh Q. Khi đến nơi gặp H, N đi xe taxi đến, S hỏi H *"anh em đâu hết rồi mà có hai người ?"*, H trả lời *"tao không gọi thằng nào hết, kệ chúng nó"*, sau đó H bảo H bê 04 con dao phóng lợn từ trên xe taxi xuống để trên bờ ruộng, rồi tất cả đi xuống cA đồng tìm anh Q. Lúc này anh Q đang gặt lúa thuê tại ruộng của gia đình anh Nguyễn Khắc H SN 1971 ở thôn H X, thì D một mình đi đến chỗ máy gặt đang gặt chửi anh Q *"Đ. mẹ thằng nào là chủ máy gặt, tắt máy lên đây gặp các bố"* và đe dọa không cho anh Q tiếp Tc gặt lúa, nếu tiếp Tc gặt sẽ đA, thấy vậy anh Q sợ không dám điều khiển máy gặt tiếp mà đi lên bờ. Lúc này S bảo N đi lên đường thôn H X để đón A, khi N lên đến nơi thấy A, ở thị trấn A T, huyện A T đi xe taxi đến. N dẫn A đi xuống chỗ máy gặt của anh Q, còn Thắng, H, T đứng đợi ở chỗ xe taxi đỗ. Khi A xuống đến nơi thấy D chửi anh Q *"Đ. mẹ chúng mày, ai cho chúng mày gặt ở đây"*, thì lúc này anh Nguyễn Văn T SN 1974 ở thôn H X đi đến đưa máy điện thoại di động cho S để nói chuyện với anh Trần Khắc T SN 1984 ở thôn Bình Trì, thị trấn A T, huyện A T, anh T nói với S *"S ơi, em cứ về đi, anh gặp nói chuyện sau"*, nghe anh T nói vậy, S bảo H mang 04 con dao phóng lợn và cùng cả nhóm đi lên đường thôn. Khi tất cả đi lên đường thôn thì A nảy sinh ý định thu tiền bảo kê máy gặt của anh Q, nên bảo Sự mượn xe mô tô của D chở A quay lại ruộng lúa gặp anh Q, khi gặp anh Q, A yêu cầu anh Q phải đưa tiền thì mới được làm tiếp, anh Q sợ bị đA nên nhận lời đưa tiền và bảo với A *"máy này do anh T gọi về làm, có gì gọi cho anh T"*. Sau đó A quay lại chỗ S và D đang đứng thì gặp anh Nguyễn Văn K SN 1984 ở thôn H X - Là em trai của anh T, anh K đưa máy điện thoại của anh K cho A để nói chuyện với anh T thì A nói *"em đã xin tiền, anh Q đồng ý cho và bảo gặp anh"*, sau đó A nói với S và D *"tao vừa làm kèo xin tiền máy gặt, chủ máy bảo về gặp anh T"* thì S và D đồng ý. S bảo tất cả đi về quán nước của anh Trần Khắc Báo ở thôn Bình Trì, thị trấn A T, huyện A T uống nước, còn S đi sang quán sửa chữa xe mô tô của anh T để gặp anh T, nhưng anh T không có nH nên S gọi điện thoại cho anh T, thì anh T nói *"không có nH"* và hẹn tối gặp, nên S quay lại quán nước bảo mọi người đi về, khi về H mang 04 con dao phóng lợn về nH cất. Đến khoảng 19h30 cùng ngày, S gọi D, H, Sự, N, Thắng, T và V bảo đi xuống nH anh T chơi. khi đến nH anh T, thì D, H, Sự, N, Thắng, T và V đứng ở ngoài đường, còn một mình S đi vào trong nH nói chuyện với anh T về nội dung xin tiền của anh Q mà A đã nói với anh T buổi chiều, thì anh T chần trừ, S bực tức nói *"em không xin tiền của anh"*, một lúc sau A, H và Nguyễn Đức C SN 1990 ở phố Nguyễn T Ngạn, thị trấn A T, huyện A T đi xe taxi đến gọi S ra, nên tất cả đi về khu vực đường đôi thị trấn A T, huyện A T ngồi uống nước đến khoảng 22h00 cùng ngày thì tất cả đi về.

Đến khoảng 08h00 ngày 23/9/2019, S cùng A, D, Sự, Thắng, H và V ngồi ăn sáng cùng nhau tại quán nH anh Hg Văn Mến ở phố Nguyễn T Ngạn, thị trấn A T, huyện A T

được khoảng 30 phút thì H đi đến cùng ngồi ăn sáng; trong khi tất cả ngồi ăn sáng thì D kể về việc tối ngày 22/9/2019 D và K cãi chửi nhau về việc máy gặt của anh Q, nên đến khoảng 09h00 cùng ngày, S và D bảo tất cả xuống cA đồng thôn H X, xã V N, huyện A T xem thế nào, tất cả đồng ý thì S điều khiển xe mô tô nhãn H Honda SH 150i, màu trắng đen, biển số 29F1 - 866.66 chở H và V, D điều khiển xe mô tô Honda Wave màu đỏ chở H và Sự, A điều khiển xe mô tô Honda Wave màu đen chở Thắng. Khi đi đến đầu làng thôn H X, xã V N thì D điều khiển xe chở Sự đi về nH Sự, còn S, A, H, Thắng, H và V đứng đợi D, trong khi đứng đợi S gọi điện cho H bảo xuống cA đồng thôn H X có việc, H đồng ý thuê xe taxi (không rõ hãng taxi, biển số xe và tên tuổi người lái taxi) đi đến nhưng do đường hẹp xe taxi không đi vào được, nên dừng đỗ ở đầu đường vào cA đồng thôn H X, xã V N, huyện A T, cách chỗ S đứng khoảng 01km, sau đó H lại đi về. Còn D sau khi chở Sự về nH và quay ra thì A bảo D đi xe mô tô xuống ruộng lúa nH ông Lê Đình L ở thôn H X, xã V N, huyện A T gọi anh Q đang gặt lúa thuê ở đó lên để nói chuyện, D đi xuống gặp chửi anh Q và bắt anh Q đi lên đường chố S và A đang đứng, cách ruộng lúa anh Q đang gặt thuê khoảng 500m để nói chuyện. Khi anh Q đi lên thì A một mình đi ra nói chuyện với anh Q, A yêu cầu anh Q phải đưa cho A số tiền 5.000.000 đồng thì mới tiếp Tc được gặt lúa thuê ở đây, còn không phải mang máy gặt về làm cho A với giá từ 90.000 đồng đến 100.000 đồng/sào. Do bị đe dọa từ chiều ngày 22/9/2019 nên anh Q sợ bị đA và bị phá máy gặt, nên miễn cưỡng chấp nhận nộp số tiền 5.000.000 đồng theo yêu cầu của A, nhưng do anh Q chưa có tiền, nên anh Q nhờ anh T đi về vay hộ số tiền 5.000.000 đồng, anh T nhất trí bảo A đi cùng vào trong làng để lấy tiền, khi đi được một đoạn, anh T nói với A *"hiện giờ chưa có tiền phải đợi đi vay"*, nghe thấy vậy A chửi anh T *"đồ trẻ con"*, rồi quay lại đi ra bảo D đi xuống gọi anh Q lên, D hiểu mục đích của A là gọi anh Q lên để yêu cầu anh Q đưa máy gặt về làm cho A, nếu không phải nộp 5.000.000 triệu như A đã nói từ trước nên nhất trí đi xuống gọi anh Q lên, khi anh Q đi lên thì A chửi và nói *"máy này từ bây giờ là của C, về làm cho C, nếu không phải nộp 5.000.000 đồng thì mới được làm tiếp"*. Anh Q sợ hãi nói với A là sẽ nộp tiền cho A, nhưng phải đi vay, A hẹn anh Q đúng 14h00 cùng ngày phải đưa tiền cho A. Lúc này anh K đi đến, giữa anh K và D xảy ra cãi chửi nhau, H sợ hai bên đA nhau nên đã lấy xe mô tô của D chở D về nH, sau đó tất cả đi về. Còn anh Q do không có tiền và sợ bị đA, không gặt lúa thuê tại cA đồng thôn H X được nữa, nên nhờ anh T hỏi vay chị Chu Thị T ở thôn H X, xã V N, huyện A T cho anh Q vay số tiền 5.000.000 đồng để đưa cho A, chị T đồng ý. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, A bảo S điều khiển xe mô tô của S chở A đến quán bia của chị T để nhận tiền của anh Q; khi S điều khiển xe mô tô chở A đến quán bia của chị T, lúc này vào khoảng 15 giờ cùng ngày thì S dừng đỗ xe đứng ở ngoài đường đợi, còn một mình A đi vào trong quán gặp anh Q để bắt anh Q đưa tiền, thì anh Q đưa cho A số tiền 5.000.000 đồng, khi A đang nhận số tiền 5.000.000 đồng từ anh Q thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện A T phối hợp cùng C an xã V N ập vào bắt quả tang A và S; vật chứng thu giữ: Thu trên tay A đang cầm số tiền 5.000.000 đồng (gồm: 10 tờ loại mệnh giá 500.000 đồng) và 01 điện thoại di động nhãn H Nokia N1280 có số Seri 351950057289317, vỏ màu xanh, bên trong nắp sim số thuê bao 0333.630.159; thu giữ của S 02 chiếc điện thoại di động (trong đó: 01 chiếc nhãn H Iphone 8 plus màu vàng có số Imei 356768084459066, bên trong nắp sim số thuê bao 0922.138.666 và 01 chiếc nhãn H Iphone X màu trắng, đen có số Imei 356719081190840, trong máy nắp sim số thuê bao (0826596789), 01 chiếc xe mô tô nhãn H Honda SH 150i, màu trắng đen, số khung 2511GY046310, số máy KF26E0046379, biển số 29F1 - 866.66,

bên trong cốp xe có 01 ví màu nâu, xanh, đỏ, trắng, bạc đã qua sử dụng, trong ví có 01 đăng ký xe biển số 89B1 - 75. 446 mang tên Nguyễn Minh S và số tiền 35.710.000 đồng.

Ngày 23/9/2019, Nguyễn Văn H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện A T quản lý 04 đoạn tuýp sắt (trong đó: 02 tuýp sắt kim loại màu sáng có chiều dài 02m, đường kính 2,5cm, một đầu gắn 01 lưỡi dao dạng dao bầu mũi nhọn có chiều dài 25 cm, bản rộng nhất 08cm; 01 tuýp sắt kim loại màu sáng có chiều dài 02m, đường kính 2,5cm, đầu gắn 01 lưỡi dao dạng dao bầu mũi nhọn có chiều dài 21 cm, bản rộng nhất 07cm; 01 tuýp sắt kim loại màu sáng có chiều dài 02m, đường kính 2,5cm, đầu gắn 01 lưỡi dao dạng dao bầu mũi nhọn có chiều dài 20cm, bản rộng nhất 06cm). H Ki nhận những đoạn tuýp sắt này thường gọi là dao phóng lợn của S gửi ở nH H và được H mang xuống cA đồng thôn H X, xã V N, huyện A T

Quá trình điều tra, các bị can Vương Văn A, Nguyễn Minh S và Nguyễn Đức D đã tHnh khẩn Ki nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời Ki nhận của các bị can phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đối với Lê Cán Sự, Đào T Thắng và 02 thanh niên không rõ tên tuổi, địa chỉ đi cùng với Sự ngày 23/9/2019. Do Sự và Thắng vắng mặt tại địa phương và 02 thanh niên đi cùng Sự đến nay chưa xác định được rõ tên, tuổi, địa chỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện A T chưa làm việc được đối với những đối tượng này, nên tách ra để tiếp Tc xác minh, làm rõ và xử lý sau .

Đối với Phạm Văn H, Nguyễn Văn H, Vũ Hữu N, Đào Huy H, Nguyễn Long V, Phạm Văn T và Nguyễn Đức C. Quá trình điều tra xác định, giữa S, A và D không có sự bàn bạc, thống nhất hay phân C nhiệm vụ gì đối với các đối tượng này; Phạm Văn H, Nguyễn Văn H, Vũ Hữu N, Đào Huy H, Nguyễn Long V, Phạm Văn T và Nguyễn Đức C khi đi cùng với A, S, D nhưng không có Hnh vi kích động, chửi bới, đe dọa hay hô Ho giúp sức cho A, S và D thực hiện Hnh vi phạm tội và cũng không biết mục đích của A, S và D đe dọa để bắt anh Q phải đưa tiền, nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với Hnh vi tàng trữ 04 con dao phóng lợn (04 đoạn tuýp sắt một đầu gắn dao nhọn) với mục đích sử dụng để đA nhau khi có mâu thuẫn của Nguyễn Minh S và Nguyễn Văn H. Ngày 14/02/2020, C an huyện A T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm Hnh chính đối với S và H về Hnh vi tàng trữ các loại dao nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác là có căn cứ .Chiếc xe mô tô nhãn H Honda SH 150i, màu trắng đen, biển số 29F1 - 866.66 thu giữ của Nguyễn Minh S. Quá trình điều tra xác định biển số 29F1 -866.66 là biển số giả, biển số thật của số xe mô tô này là 89B1 - 754.46. Ngày 11/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện A T có C văn và tài liệu chuyển Hnh vi này của Nguyễn Minh S đến đội Cảnh sát giao thông C an huyện A T để xem xét xử lý theo quy định. D Ki mượn xe mô tô nhãn H Honda Wave màu đỏ của anh Nguyễn Văn Hợp SN 1989 ở cùng thôn để đi đe dọa và cưỡng đoạt tài sản của anh Q; sau đó D đã trả lại xe mô tô này cho anh Hợp. Hiện anh Hợp vắng mặt tại địa phương, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện A T tách ra xem xét xử lý sau

A Ki chiếc xe mô tô nhãn H Honda Wave điều khiển đi sáng ngày 23/9/2019 xuống cA đồng thôn H X, xã V N, huyện A T là xe A mượn của thanh niên đi cùng Sự không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu và biển số xe và đã trả lại xe mô tô cho người thanh niên này vào trưa ngày 23/9/2019, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện A T tách ra xem xét xử lý sau .

Đối với ông Nguyễn Văn Sanh SN 1963 ở thôn Đỗ Hạ, xã Quang Vinh, huyện A T Ki S đến thuê ông Hn dao vào đầu các tuýp sắt và nói là để treo cho đẹp, nên không có căn cứ để xử lý đối với ông Sanh

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn Q đã trả lại chị Chu Thị T số tiền 5.000.000 đồng, chị T đã nhận đầy đủ không có yêu cầu đề nghị gì. Anh Q đề nghị nhận lại số tiền 5.000.000 đồng bị A, S và D chiếm đoạt của anh ngày 23/9/2019.

Về vật chứng của vụ án: Số tiền 5.000.000 đồng thu trên tay Vương Văn A và số tiền 35.710.000 đồng thu của Nguyễn Minh S khi bắt quả tang. Qúa trình điều tra S Ki số tiền 35.710.000 đồng là tiền riêng của S không L quan đến vụ án, hiện đang quản lý tại tài khoản tạm giữ của C an huyện A T tại Kho bạc NH nước huyện A T chờ xử lý, 04 tuýp sắt do H giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn H Nokia N1280 nắp sim số thuê bao 0333.630.159; 01 điện thoại di động nhãn H Iphone 8 plus màu vàng nắp sim số thuê bao 0922.138.666; 01 điện thoại di động nhãn H Iphone X màu trắng, đen nắp sim số thuê bao 0826.596.789; 01 xe mô tô nhãn H Honda SH 150i S màu trắng đen 01 biển số giả 29F1 - 866.66, 01 ví màu nâu, xanh, đỏ, trắng, bạc đã qua sử dụng, 01 đăng ký xe của xe mô tô biển số 89B1 - 754.46 mang tên Nguyễn Minh S hiện đang được quản lý tại Kho vật chứng C an huyện A T, chờ xử lý.

Cáo trạng số 20 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của VKS huyện A T , tỉnh H Y đã truy tố bị cáo Vương Văn A (C); Nguyễn Minh S, Nguyễn Đức D phạm tội Cưỡng đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Đại diện VKS giữ quyền C tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên xử Vương Văn A (Tên gọi khác: C), Nguyễn Minh S và Nguyễn Đức D phạm tội Cưỡng đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt chính: Áp dụng Điều 17, khoản 1 Điều 170, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với 03 bị cáo, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo S, bị cáo D; khoản 1 Điều 56 BLHS đối với bị cáo A; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS đối với bị cáo D.

Xử phạt:

+ Bị cáo Vương Văn A (Tên gọi khác: C) 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù và quyết định hình phạt chung, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của bản án số 28 ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện A T. Buộc bị cáo phải chấp Hnh hình phạt chung. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 23/9/2019.

+ Bị cáo Nguyễn Minh S 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 23/9/2019.

+ Bị cáo Nguyễn Đức D 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Đức D cho UBND xã V N, huyện A T giám sát trong thời gian chấp Hnh án.Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật Thi Hnh án hình sự để giải quyết.

- Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm a, c khoản 1, 3 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

+ Trả lại anh Q số tiền 5.000.000 đồng.

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Minh S số tiền 35.710.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn H Iphone X màu trắng, đen có số Imei 356719081190840, bên trong nắp sim số thuê bao 0826.596.789; 01 ví màu nâu, xanh, đỏ, trắng và 01 xe mô tô nhãn H Honda SH 150i S màu trắng đen, số khung 2511GY046310, số máy KF26E0046379 cùng 01 đăng ký xe của xe mô tô biển số 89B1 - 754.46 mang tên Nguyễn Minh S.

+ Tịch thu tiêu hủy 04 tuýp sắt kim loại (Có đặc điểm như trong Lệnh nhập kho vật chứng số 36 ngày 26/9/2019 của Cơ quan CSĐT C an huyện); 01 biển số giả 29F1 - 866.66. Phôi sim số thuê bao 0333.630.159 và phôi sim số thuê bao 0922.138.666.

+ Tịch thu sung ngân sách NH nước: 01 điện thoại di động nhãn H Nokia N1280 có số Seri 351950057289317, vỏ màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn H Iphone 8 plus màu vàng có số Imei 356768084459066.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí theo quy định./.

Ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo D: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm s,x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Ý kiến của các bị cáo: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

Về Hnh vi, quyết định tố Tng của người tiến Hnh tố Tng và các cơ quan tiến Hnh tố Tng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Cơ quan điều tra C an huyện A T; Kiểm sát viên, VKSND huyện A T đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ Tc tố Tng theo quy định của BLTTHS. Các bị cáo, bị hại, người làm chứng không có khiếu nại gì về Hnh vi, quyết định tố Tng của cơ quan tiến Hnh tố Tng và người tiến Hnh tố Tng.

Tại phiên tòa, các bị cáo A, S, D đã tHnh khẩn Ki nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội như Cáo trạng của VKSND huyện A T truy tố: Trong khoảng thời gian từ ngày 22/9/2019 đến ngày 23/9/2019 với mục đích chiếm đoạt tiền của anh Q là chủ máy gặt L H gặt thuê tại cA đồng thôn H X, V N nên các bị cáo Anh, S, D đã có Hnh vi dùng lời nói uy hiếp tinh thần và đe dọa sẽ dùng vũ lực đối với anh Q, khiến cho anh Q lo sợ buộc phải giao nộp cho các bị cáo số tiền 5.000.000đ. Chiều ngày 23/9/2019, tại quán bia của gia đình chị T ở thôn Hg Xuyên, V N khi anh Q đang giao tiền cho bị cáo A thì bị Cơ quan C an huyện A T bắt quả tang và thu giữ các vật chứng có L quan.

Lời Ki nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời Ki của bị hại, người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ do Cơ quan CSĐT C an huyện A T đã thu thập được.

Xét Hnh vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hnh vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nên có đủ nhận thức để biết rằng Hnh vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do l□ời lao động, muốn kiếm tiền một cách dễ dàng nên cáo đã cố

ý chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân, điều đó thể hiện các bị cáo rất coi thường pháp luật, coi thường các quy tắc xử sự trong cuộc sống. Ngoài ra Hnh vi của các bị cáo còn gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương ngay tại thời điểm người dân đang tiến Hnh thu hoạch lúa vụ mùa. Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố và xét xử nghiêm minh, kịp thời trước pháp luật là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở tHnh C dân tốt, đồng thời làm gương cho những người khác.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên HĐXX có đủ cơ sở kết luận : Các bị cáo Vương Văn A (C); Nguyễn Minh S; Nguyễn Đức D phạm tội Cưỡng đoạt tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 170 của BLHS.

Như vậy, VKSND huyện A T đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt ngoài việc đA giá tính chất mức độ của Hnh vi phạm tội, HĐXX còn cân nhắc xem xét đến vai trò của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

Trong vụ án này các bị cáo là đồng phạm, bị cáo A giữ vai trò là người khởi xướng và thực Hnh tích cực nên phải chịu mức hình phạt cao hơn. Bị cáo S và D giữ vai trò là người thực Hnh, giúp sức nên cũng phải chịu hình phạt tương xứng với Hnh vi của mình.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã tHnh khẩn Ki báo ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo S có ông nội được NH nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo D có thời gian phục vụ trong quân ngũ, có bác ruột là liệt sĩ, ngoài ra bị cáo có H cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, bản thân bị cáo D bị tai nạn sức, sức khỏe bị giảm sút nên hai bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Đối với ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo D đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo D là không có cơ sở, vì bị cáo D chỉ là cháu của liệt sĩ Nguyễn Văn Hơn, không thuộc các trường hợp quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của BLHS nên không được chấp nhận.

Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo A, S có nhân thân xấu, năm 2019 bị cáo A đã bị Tòa án xét xử về tội Lạm dụng tài nhiệm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo S có 01 tiền sự bị cơ quan C an huyện A T xử phạt về Hnh vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác chưa được xóa nên các bị cáo phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn, xét thấy cần thiết phải bắt các bị cáo A, S cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở tHnh C dân có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo D có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, hơn nữa trong quá trình điều tra bị cáo D bị tai nạn giao thông đến nay sức khỏe chưa hồi phục nên xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội, chỉ cần cho bị cáo cải tạo địa phương cũng đủ để cải tạo, giáo bị cáo trở tHnh C dân tốt và để bị cáo có điều kiện phục hồi sức khỏe.

Về hình phạt bổ sung: Xét về H cảnh kinh tế cũng như việc các bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Vật chứng và các biện pháp tư pháp: Số vật chứng trong vụ án do Cơ quan CSĐT C an huyện A T thu giữ được xử lý như sau:

- Số tiền 5.000.000đ do các bị cáo chiếm đoạt của anh Q đây là tiền hợp pháp của anh Q nên trả lại cho anh Q.

- Số tiền 35.710.000đ; 01 điện thoại Iphone X màu trắng nắp sim số 0826.596.789; 01 ví màu nâu, xanh, đỏ trắng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo S vì không L quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 04 tuýp sắt kim loại màu sáng, Biển kiểm soát giả 29F1-866.66 đây là những vật cấm lưu Hnh các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu cho tiêu hủy

- Đối với 01 điện thoại Nokia N1280 nắp sim số 0333.630.159; 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu vàng nắp sim số 0922.138.666 các bị cáo sử dụng vào việc L lạc với nhau L quan đến việc phạm tội nên tịch thu phát mại sung quỹ NH nước, phôi sim tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe máy Honda SH 150i màu trắng đen có biển kiểm soát 89B1-754.46 bị cáo S sử dụng trong 02 ngày 22 và 23/9/2019 vào việc đi lại L quan đến Hnh vi phạm tội. Tại phiên tòa, bà Tĩnh là dì ruột của bị cáo S và bị cáo S có Ki về nguồn gốc chiếc xe máy trên là tiền của bà Tĩnh mua chiếc này cho S để đi lại và có cam kết với nhau về việc nếu S sử dụng chiếc xe vào mục đích vi phạm pháp luật thì sẽ phải trả lại xe cho bà Tĩnh. Do vậy sẽ trả lại cho S chiếc xe máy trên cùng đăng ký xe để S trả lại cho bà Tĩnh

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vương Văn A (C), Nguyễn Minh S, Nguyễn Đức D phạm tội Cưỡng đoạt tài sản

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 của BLHS đối với A

Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của BLHS đối với S

Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1,2 Điều 65 của BLHS đối với D

Điểm a,c khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điều 136, khoản 2 Điều 106 của BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt:

* Vương Văn A (C) 01 năm 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại Bản án số 28/2019/HSST ngày 11/11/2019 của TAND huyện A T, bị cáo A (C) phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 năm 03 tháng tù, thời gian tính từ ngày 23/9/2019.

* Nguyễn Minh S 01 năm tù, thời gian tính từ ngày 23/9/2019

* Nguyễn Đức D 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thửa thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo D cho UBND xã V N, huyện A T giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ 02 lần trở

lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú phải được thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi Hnh án hình sự.

Về vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Trả cho anh Q số tiền 5.000.000đ

- Trả lại cho bị cáo S số tiền 35.710.000đ; 01 điện thoại Iphone X màu trắng nắp sim số 0826.596.789; 01 ví màu nâu, xanh, đỏ trắng, 01 xe máy SH màu trắng BKS 89B1 754.46 cùng đăng ký xe.

- Tịch thu cho tiêu hủy 04 tuýp sắt kim loại màu sáng, 01 biển kiểm soát giả 29F1-866.66, 02 phôi sim 0922.138.666, 0333.630.159

- Tịch thu cho phát mại sung quỹ NH nước: 01 điện thoại Nokia N1280 ; 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu vàng

(Tất cả có đặc điểm như biên bản quản lý vật chứng)

Về án phí: Các bị cáo A, S, D phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Cơ quan CSĐT huyện A T
- Cơ quan THAHS
- Chi cục thi Hnh án dân sự huyện A T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Thị Thủy